

DANH MỤC MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ VÀ SỬA CHỮA NHỎ TRƯỜNG LỚP NĂM 2018

(Đính kèm tờ trình số: 988 /TTr-TCKH ngày 14 tháng 6 năm 2018 của Phòng Tài chính Kế hoạch)

Số TT	Tên trường	Kinh phí mua sắm năm 2018	Sửa chữa nhỏ trường học	Trường chuẩn Quốc gia	Son 03 trường học năm 2017 chuyển sang	Sửa chữa nhỏ năm 2017 chuyển sang	Số tiền
	TỔNG CỘNG	8.739.580.000	5.925.000.000	2.285.977.000	1.759.877.000	1.493.159.000	20.203.593.000
1	Mầm non Thủy Tiên	147.900.000	495.000.000				642.900.000
2	Mầm non Thủy Tiên 1	68.000.000	30.000.000				98.000.000
3	Mầm non Thủy Tiên 2			577.000.000			577.000.000
4	Mầm non Hướng Dương	150.000.000	300.000.000				450.000.000
5	Mầm non Hướng Dương 2			698.430.000			698.430.000
6	Mầm non Ngọc Lan	160.200.000	450.000.000				610.200.000
7	Mầm non Phong Lan	108.500.000					108.500.000
8	Mẫu giáo Quỳnh Anh	50.000.000					50.000.000
9	Mầm non Hoa Hồng	47.540.000					47.540.000
10	Mầm non Hoa Hồng 2			236.610.000			236.610.000
11	Mầm non Hoa Mai	81.500.000					81.500.000
12	Mầm non BaBy	223.800.000	500.000.000				723.800.000
13	Mẫu giáo Hoa Đào	28.800.000	280.000.000				308.800.000
14	Mầm non Hoa Anh Đào	113.720.000	60.000.000				173.720.000
15	Mầm non Quỳnh Hương	175.000.000	990.000.000				1.165.000.000
16	Mầm non Hoa Phượng Hồng	170.000.000	140.000.000				310.000.000
17	Mầm non Hoa Thiên Lý	154.000.000			203.145.000		357.145.000
18	Mầm non Hoa Thiên Lý 1	209.200.000	60.000.000				269.200.000
19	Mầm non 30/4	225.000.000	70.000.000				295.000.000
20	Mầm non Hoa Thiên Lý 2	130.000.000	250.000.000				380.000.000
21	Mầm non Hoàng Anh 2		300.000.000				300.000.000
22	TH Lê Minh Xuân 3		440.000.000				440.000.000
23	Tiểu học Bình Hưng	620.000.000			1.154.438.000		1.774.438.000
24	Tiểu học Phong Phú	412.700.000					412.700.000
25	Tiểu học Phong Phú 2	300.000.000					300.000.000
26	Tiểu học Nguyễn Văn Trán	270.000.000					270.000.000

Số TT	Tên trường	Kinh phí mua sắm năm 2018	Sửa chữa nhỏ trường học	Trường chuẩn Quốc gia	Son 03 trường học năm 2017 chuyển sang	Sửa chữa nhỏ năm 2017 chuyển sang	Số tiền
27	Tiểu học Hưng Long	160.000.000					160.000.000
28	Tiểu học Trần Nhân Tôn	171.500.000					171.500.000
29	Tiểu học An Phú Tây	484.000.000			402.294.000		886.294.000
30	Tiểu học An Phú Tây 2	230.000.000					230.000.000
31	Tiểu học Tân Túc	568.000.000		773.937.000			1.341.937.000
32	Tiểu học Tân Kiên	216.520.000					216.520.000
33	Tiểu học Tân Nhựt	16.000.000					16.000.000
34	Tiểu học Tân Nhựt 6	105.500.000					105.500.000
35	Tiểu học Lê Minh Xuân 3	214.500.000					214.500.000
36	Tiểu học Cầu Xáng	402.500.000	200.000.000				602.500.000
37	Tiểu học An Hạ	90.000.000					90.000.000
38	Tiểu học Vĩnh Lộc 1	25.000.000					25.000.000
39	Tiểu học Vĩnh Lộc 2	105.200.000					105.200.000
40	Tiểu học Vĩnh Lộc B	72.000.000					72.000.000
41	Tiểu học Trần Quốc Toản	52.000.000					52.000.000
42	THCS Nguyễn Thái Bình	170.000.000					170.000.000
43	THCS Đa Phước	170.000.000	300.000.000				470.000.000
44	THCS Hưng Long	170.000.000					170.000.000
45	THCS Bình Chánh	345.000.000					345.000.000
46	THCS Nguyễn Văn Linh	180.000.000	320.000.000				500.000.000
47	THCS Tân Kiên	135.000.000	500.000.000				635.000.000
48	THCS Gò Xoài	145.000.000	120.000.000				265.000.000
49	THCS Vĩnh Lộc A	190.000.000				1.493.159.000	1.683.159.000
50	THCS Vĩnh Lộc B	252.000.000					252.000.000
51	THCS Phạm Văn Hai		120.000.000				120.000.000
52	THCS Võ Văn Vân	224.000.000					224.000.000

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH



DANH MỤC SỬA CHỮA NHỎ NĂM 2018

(Đính kèm Tờ trình số: **928** /TTr-TCKH ngày **14** tháng 6 năm 2018 của Phòng Tài chính Kế hoạch)



STT	Trường	Hạng mục sửa chữa	Khái toán	Sử dụng vốn sự nghiệp giáo dục năm 2018
	MẦM NON - MẪU GIÁO		3.925.000.000	3.925.000.000
1	Mầm non Thủy Tiên	Nâng nền 02 phòng học trệt dầy lầu, thay trần, chống thấm dầy lầu Nâng nền, nâng trần 04 phòng học dầy trệt không có lầu Sửa chữa khu nhà bếp	495.000.000	495.000.000
2	Mầm non Thủy Tiên 1	Lát sàn gỗ cho lớp nhà trẻ 19 - 24 tháng	30.000.000	30.000.000
3	Mầm non Hướng Dương	Sửa chữa chống dột, chống thấm các lớp	300.000.000	300.000.000
4	Mầm non Hoa Mai	Nâng nền các phòng học điểm áp 1	400.000.000	400.000.000
		Sửa chữa, nâng cấp thang nâng chuyển thức ăn	50.000.000	50.000.000
5	Mầm non BaBy	Lót sàn gỗ nhà trẻ 19-24 tháng	30.000.000	30.000.000
		Lót sàn gỗ nhà trẻ 25-36 tháng	30.000.000	30.000.000
		Nâng nền nâng mái điểm áp 4	440.000.000	440.000.000
6	Mẫu giáo Hoa Đào	Thay thế toàn bộ mái tole và trần 02 phòng học, thay thế hệ thống điện, thay quạt treo tường; Cải tạo nhà vệ sinh,	280.000.000	280.000.000
7	Mầm non Hoa Anh Đào	Lát sàn gỗ 02 lớp nhà trẻ 25-36 tháng	60.000.000	60.000.000
8	Mầm non Hoa Phượng Hồng	Chống thấm sàn	140.000.000	140.000.000
		Lát sàn gỗ 03 lớp		
9	Mầm non Hoa Thiên Lý 1	Lót sàn gỗ 02 lớp nhà trẻ 25-36 tháng	60.000.000	60.000.000
10	Mầm non 30-4	Sửa chữa cải tạo thang máy	70.000.000	70.000.000
11	Mầm non Hoa Thiên Lý 2	Lắp đặt hệ thống mái che sân trong	250.000.000	250.000.000
		Sửa nhà vệ sinh lớp 13-18 tháng tuổi		
12	Mầm non Hoàng Anh 2	Sửa chữa sân trường, bảng tên trường	300.000.000	300.000.000
		Sửa chữa các nhà vệ sinh lớp học		
13	Mầm non Quỳnh Hương	Sơn lại điểm áp 4	990.000.000	990.000.000
	KHOI TIỂU HỌC		640.000.000	640.000.000
		Xây phòng Thư viện tiên chế	250.000.000	250.000.000
1	Tiểu học Lê Minh Xuân 3	Xây thêm nhà vệ sinh	150.000.000	150.000.000
		Sơn sửa lại lan can	40.000.000	40.000.000



STT	Trường	Hạng mục sửa chữa	Khái toán	Sử dụng vốn sự nghiệp giáo dục năm 2018
2	Tiểu học Cầu Xáng	Thay trần các phòng học trên tầng 1 dãy A, B, C	200.000.000	200.000.000
	KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ		1.360.000.000	1.360.000.000
1	THCS Đa Phước	Chống thấm nhà vệ sinh, hộp gen, sân ô	300.000.000	300.000.000
2	THCS Nguyễn Văn Linh	Sửa chữa, cải tạo các nhà vệ sinh (8 khu vệ sinh)	320.000.000	320.000.000
		Thay tole dây phòng học vi tính, thay trần laphong thạch cao.	200.000.000	200.000.000
4	THCS Tân Kiên	Cải tạo, nâng cấp nhà vệ sinh	200.000.000	200.000.000
		Nâng cấp, mở rộng phòng bảo vệ	100.000.000	100.000.000
5	THCS Gò Xoài	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống cống thoát nước	120.000.000	120.000.000
7	THCS Phạm Văn Hai	Xây dựng hố gom rút nước khu dãy phòng học cạnh sân giữa trường	120.000.000	120.000.000
	TỔNG CỘNG		5.925.000.000	5.925.000.000

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH

DANH MỤC MUA SẮM TRANG THIẾT BỊ NĂM 2018

(Đính kèm Tờ trình số: 922 /TTr-TCKH ngày 14 tháng 6 năm 2018 của Phòng Tài chính Kế hoạch)

Số TT	Trường	Hạng mục đề nghị	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Khái toán	Sử dụng vốn sự nghiệp giáo dục năm 2018
	KHOÍ MÀM NON					2.243.160.000	2.243.160.000
1	Mầm non Thủy Tiên	Trang bị bổ sung 70 bộ bàn ghế (chất liệu bằng nhựa)	Bộ	70	750.000	52.500.000	52.500.000
		Trang bị bổ sung máy vi tính	Bộ	2	12.700.000	25.400.000	25.400.000
		Trang bị 02 bộ đồ chơi vận động và 02 trụ bóng rổ.	Bộ	2	35.000.000	70.000.000	70.000.000
2	Mầm non Thủy Tiên 1	Trang bị bổ sung tủ hấp chén	Cái	1	38.000.000	38.000.000	38.000.000
		Trang bị tủ hấp cơm	Cái	1	30.000.000	30.000.000	30.000.000
3	Mầm non Hương Dương	Trang bị bổ sung bàn ghế học sinh	Bộ	100	750.000	75.000.000	75.000.000
		Trang bị bổ sung máy giặt	Cái	2	12.000.000	24.000.000	24.000.000
		Trang bị xe chuyển com dùng buffe	Cái	6	8.500.000	51.000.000	51.000.000
4	Mầm non Ngọc Lan	Trang bị bổ sung kê đồ chơi các lớp	Cái	40	1.180.000	47.200.000	47.200.000
		Trang bị bổ sung bàn ghế học sinh	Bộ	120	750.000	90.000.000	90.000.000
		Trang bị bổ sung máy vi tính cho các lớp	Bộ	2	11.500.000	23.000.000	23.000.000
5	Mầm non Phong Lan	Hệ thống âm thanh hoạt động lễ hội	Bộ	1	39.900.000	39.900.000	39.900.000
		Đồ dùng đồ chơi học tập ở các góc theo Thông tư 34	Bộ	1	45.000.000	45.000.000	45.000.000
		Kê đồ chơi cho các lớp	Cái	20	1.180.000	23.600.000	23.600.000
6	Mẫu giáo Quỳnh Anh	Trang bị hệ thống lọc nước sinh hoạt	Bộ	1	50.000.000	50.000.000	50.000.000
		Tủ hồ sơ các lớp	Cái	5	4.000.000	20.000.000	20.000.000
7	Mầm non Hoa Hồng	Kệ tủ chiếu gối	Cái	4	2.500.000	10.000.000	10.000.000
		Kệ tủ cặp dép	Cái	4	3.500.000	14.000.000	14.000.000
		Kệ xây dựng	Cái	3	1.180.000	3.540.000	3.540.000
8	Mầm non Hoa Mai	Bàn chia thức	Cái	1	4.500.000	4.500.000	4.500.000
		Bổ sung xe chuyển thức ăn	Cái	5	8.500.000	42.500.000	42.500.000
		Trang bị bổ sung máy vi tính cho các lớp	Bộ	3	11.500.000	34.500.000	34.500.000
		Tủ nệm gối	Cái	4	3.500.000	14.000.000	14.000.000
9	Mầm non BaBy	Kệ góc chơi	Cái	10	1.180.000	11.800.000	11.800.000
		Trang bị bổ sung ĐDDC lớp 6 - 12 tháng tuổi	Bộ	1	198.000.000	198.000.000	198.000.000

Số TT	Trường	Hạng mục đề nghị	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Khái toán	Sử dụng vốn sự nghiệp giáo dục năm 2018
10	Mẫu giáo Hoa Đào	Trang bị tủ lạnh	Cái	1	17.000.000	17.000.000	17.000.000
		Trang bị bổ sung kệ để đồ chơi	Cái	10	1.180.000	11.800.000	11.800.000
11	Mầm non Hoa Anh Đào	Trang bị bổ sung tủ cặp dép	Cái	2	3.500.000	7.000.000	7.000.000
		Trang bị bổ sung kệ góc chơi	Cái	4	1.180.000	4.720.000	4.720.000
		Trang bị bổ sung tủ nệm gối	Cái	1	3.500.000	3.500.000	3.500.000
		Trang bị tủ giáo viên	Cái	1	4.000.000	4.000.000	4.000.000
		Trang bị bổ sung bàn ghế học sinh	Bộ	46	750.000	34.500.000	34.500.000
12	Mầm non Quỳnh Hương	Trang bị bảng tương tác	Bộ	1	60.000.000	60.000.000	60.000.000
		Thay mới bàn ghế học sinh	Bộ	100	750.000	75.000.000	75.000.000
		Trang bị đồ chơi ngoài trời điểm áp 1, điểm áp 2, điểm áp 4 chất liệu bằng gỗ.	Bộ	1	40.000.000	40.000.000	40.000.000
		Trang bị bảng tương tác	Cái	1	60.000.000	60.000.000	60.000.000
		Trang bị 100 bộ bàn ghế	Bộ	100	750.000	75.000.000	75.000.000
13	Mầm non Hoa Phượng Hồng	Trang bị máy tương tác	Cái	1	60.000.000	60.000.000	60.000.000
14	Mầm non Hoa Thiên Lý	Trang bị máy ôn áp	Cái	1	35.000.000	35.000.000	35.000.000
		Trang bị bổ sung tủ hồ sơ giáo viên	Cái	4	3.000.000	12.000.000	12.000.000
		Trang bị bổ sung bàn ghế học sinh	Bộ	80	750.000	60.000.000	60.000.000
		Trang bị bổ sung máy vi tính cho các lớp	Bộ	4	11.500.000	46.000.000	46.000.000
		Trang bị bộ đồ chơi nhà trẻ	Bộ	1	36.000.000	36.000.000	36.000.000
15	Mầm non Hoa Thiên Lý 1	Trang bị máy vi tính cho các lớp	Bộ	6	11.500.000	69.000.000	69.000.000
		Trang bị bổ sung ĐDDC lớp 6 - 12 tháng tuổi	Bộ	1	140.200.000	140.200.000	140.200.000
		Bộ Thiết bị nhà bếp: xe chia cơm các lớp bằng Inox	Cái	6	8.500.000	51.000.000	51.000.000
		Bàn ghế học sinh	Bộ	100	750.000	75.000.000	75.000.000
		Kệ đồ chơi	Cái	50	1.180.000	59.000.000	59.000.000
16	Mầm non 30/4	Bộ Đồ dùng đồ chơi ngoài trời	Bộ	1	40.000.000	40.000.000	40.000.000
		Trang bị bổ sung ĐDDC lớp 13 - 18 tháng tuổi	Bộ	1	130.000.000	130.000.000	130.000.000
17	Mầm non Hoa Thiên Lý 2						
	KHỐI TIỂU HỌC					4.515.420.000	4.515.420.000
1	Tiểu học Bình Hưng	Trang bị phòng máy vi tính phục vụ công tác giảng dạy.	Bộ	40	11.500.000	460.000.000	460.000.000
2	Tiểu học Phong Phú	Trang bị bổ sung bàn ghế học sinh 2 chỗ	Bộ	100	1.600.000	160.000.000	160.000.000
		Trang bị bổ sung bàn ghế hội trường (2 chỗ ngồi)	Bộ	80	3.000.000	240.000.000	240.000.000
		Trang bị bổ sung bàn ghế cho học sinh (2 chỗ ngồi)	Bộ	100	1.600.000	160.000.000	160.000.000
		Máy vi tính bộ phận văn phòng	Bộ	1	12.700.000	12.700.000	12.700.000

Số TT	Trưởng	Hạng mục đề nghị	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Khái toán	Sử dụng vốn sự nghiệp giáo dục năm 2018
3	Tiểu học Phong Phú 2	Bàn phòng họp Mặt và chân bàn làm bằng gỗ rộng 0,4m x dài 1,2m x cao 0.75m (2 chỗ)	Bộ	100	3.000.000	300.000.000	300.000.000
4	Tiểu học Nguyễn Văn Trăn	Bàn ghế học sinh (1 chỗ)	Bộ	100	900.000	90.000.000	90.000.000
		Bàn ghế hội trường (2 chỗ)	Bộ	60	3.000.000	180.000.000	180.000.000
5	Tiểu học Hưng Long	Trang bị bổ sung bàn ghế học sinh (2 chỗ)	Bộ	100	1.600.000	160.000.000	160.000.000
6	Tiểu học Trần Nhân Tôn	trang bị bổ sung thay mới máy vi tính các phòng chức năng (phòng y tế, hành chánh, phòng TV - TB, phòng Đoàn - Đội)	Bộ	5	12.700.000	63.500.000	63.500.000
		Mua bàn ghế 1 chỗ cho học sinh.	Bộ	120	900.000	108.000.000	108.000.000
7	Tiểu học An Phú Tây	Trang bị bổ sung thay thế máy vi tính cho phòng máy vi tính	Bộ	36	11.500.000	414.000.000	414.000.000
		Bàn, ghế phòng họp (Bàn dài 3m x 8 tất: 05 cái. Ghế gỗ: 40 cái)	Bộ	1	70.000.000	70.000.000	70.000.000
8	Tiểu học An Phú Tây 2	Trang bị bổ sung máy vi tính cho phòng Tin học	Bộ	20	11.500.000	230.000.000	230.000.000
9	Tiểu học Tân Túc	Trang bị bổ sung máy vi tính dạy học	Bộ	40	11.500.000	460.000.000	460.000.000
		Trang bị bổ sung bàn ghế học sinh cho điểm KP 1 (1 chỗ)	Bộ	120	900.000	108.000.000	108.000.000
11	Tiểu học Tân Kiên	Trang bị bổ sung ghế học sinh (1 chỗ)	Bộ	240	298.000	71.520.000	71.520.000
		Trang bị bổ sung máy chiếu + màn chiếu	Bộ	1	30.000.000	30.000.000	30.000.000
12	Tiểu học Tân Nhựt	Trang bị bổ sung máy vi tính cho phòng máy vi tính	Bộ	10	11.500.000	115.000.000	115.000.000
		Trang bị bổ sung bảng lớp	Cái	5	3.200.000	16.000.000	16.000.000
13	Tiểu học Tân Nhựt 6	Trang bị bổ sung máy vi tính văn phòng	Bộ	5	12.700.000	63.500.000	63.500.000
		Trang bị bổ sung bàn ghế giáo viên	Bộ	10	4.200.000	42.000.000	42.000.000
14	Tiểu học Lê Minh Xuân 3	Trang bị bổ sung máy vi tính cho phòng máy vi tính	Bộ	15	11.500.000	172.500.000	172.500.000
		Trang bị bổ sung bảng lớp	Cái	5	3.200.000	16.000.000	16.000.000
15	Tiểu học Cầu Xáng	Trang bị máy lạnh phòng tin học	Bộ	2	13.000.000	26.000.000	26.000.000
16	Tiểu học An Hạ	Bổ sung máy vi tính cho phòng máy vi tính	Bộ	35	11.500.000	402.500.000	402.500.000
		Trang bị bổ sung bàn ghế học sinh (1 chỗ)	Bộ	100	900.000	90.000.000	90.000.000
17	Tiểu học Vĩnh Lộc 1	Trang bị bổ sung bảng lớp	Cái	5	3.200.000	16.000.000	16.000.000
		Trang bị hồ sung tủ hồ sơ	Cái	2	4.500.000	9.000.000	9.000.000
18	Tiểu học Vĩnh Lộc 2	Bổ sung bàn ghế học sinh (2 chỗ)	Bộ	50	1.600.000	80.000.000	80.000.000
		Bổ sung bàn ghế giáo viên	Bộ	6	4.200.000	25.200.000	25.200.000
19	Tiểu học Vĩnh Lộc B	Bàn ghế học sinh	bộ	80	900.000	72.000.000	72.000.000

Số TT	Trường	Hạng mục đề nghị	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Khái toán	Sử dụng vốn sự nghiệp giáo dục năm 2018
21	Tiểu học Trần Quốc Toản	Mua sắm mới 04 bộ máy lạnh.	Bộ	4	13.000.000	52.000.000	52.000.000
	KHỐI TRUNG HỌC CƠ SỞ					1.981.000.000	1.981.000.000
1	THCS Nguyễn Thái Bình	Trang bị bổ sung bàn ghế học sinh	Bộ	100	1.700.000	170.000.000	170.000.000
2	THCS Đa Phước	Trang bị bổ sung bàn ghế học sinh	Bộ	100	1.700.000	170.000.000	170.000.000
3	THCS Hưng Long	Trang bị bổ sung bộ bàn ghế học sinh	Bộ	100	1.700.000	170.000.000	170.000.000
5	THCS Bình Chánh	Trang bị bổ sung máy vi tính học sinh	Bộ	30	11.500.000	345.000.000	345.000.000
6	THCS Nguyễn Văn Linh	Trang bị bổ sung bàn ghế học sinh	Bộ	96	1.700.000	163.200.000	163.200.000
		Trang bị bổ sung bàn ghế giáo viên	Bộ	4	4.200.000	16.800.000	16.800.000
7	THCS Tân Kiên	Mua ghế cho hội trường	Cái	150	900.000	135.000.000	135.000.000
		Trang bị bổ sung máy photocopy	Cái	1	75.000.000	75.000.000	75.000.000
8	THCS Gò Xoài	Trang bị bổ sung bảng lớp	Cái	10	3.200.000	32.000.000	32.000.000
		Trang bị bổ sung tủ hồ sơ	Cái	2	4.000.000	8.000.000	8.000.000
		Bổ sung máy chiếu đa phương tiện + màn chiếu	Cái	1	30.000.000	30.000.000	30.000.000
10	THCS Vĩnh Lộc A	Trang bị bổ sung bàn ghế học sinh	Bộ	100	1.700.000	170.000.000	170.000.000
		Trang bị bổ sung tủ hồ sơ	Cái	5	4.000.000	20.000.000	20.000.000
		Trang bị tủ đựng hóa chất, dụng cụ thí nghiệm vật lý (Sử dụng từ năm 2002 đến nay đã hư hỏng)	Cái	12	4.000.000	48.000.000	48.000.000
11	THCS Vĩnh Lộc B	Trang thiết bị học sinh 01 chỗ ngồi	Cái	80	287.500	23.000.000	23.000.000
		Trang bị bộ bàn ghế học sinh 02 chỗ ngồi	Bộ	62	1.700.000	105.400.000	105.400.000
		Trang bị bộ bàn, ghế giáo viên	Bộ	18	4.200.000	75.600.000	75.600.000
12	THCS Võ Văn Vân	Bộ ĐDDH các môn	Bộ	20	11.200.000	224.000.000	224.000.000
						8.739.580.000	8.739.580.000

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH

**DANH MỤC TRANG TRÍ, MUA SẮM ĐỒ DÙNG DẠY HỌC
CÁC TRƯỜNG MỚI NĂM 2018**

(Đính kèm Tờ trình 977/TTr-TCKH ngày 14 tháng 6 năm 2018)

STT	Trường	Hạng mục	Khái toán	Ghi chú
1	MN Hoàng Anh 2	Trang trí trường lớp, mua sắm bổ sung Đồ dùng dạy học, trang thiết bị	200.000.000	
2	MN Quỳnh Hương 2	Trang trí trường lớp, mua sắm bổ sung Đồ dùng dạy học, trang thiết bị	200.000.000	
3	MN Hoa Sen 2	Trang trí trường lớp, mua sắm bổ sung Đồ dùng dạy học, trang thiết bị	200.000.000	
4	MN Hoa Sen 3	Trang trí trường lớp, mua sắm bổ sung Đồ dùng dạy học, trang thiết bị	200.000.000	
	TỔNG CỘNG		800.000.000	

PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ HOẠCH HUYỆN BÌNH CHÁNH

**DANH MỤC SỬA CHỮA, TRANG TRÍ, MUA SẮM ĐỒ DÙNG ĐỒ CHƠI
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA**

(Đính kèm Tờ trình *988* /TTr-TCKH ngày *16* tháng 6 năm 2018)

STT	Trường	Hạng mục	Khái toán	Ghi chú
1	MN Thủy Tiên 2	Cải tạo nhà vệ sinh nhóm 19 - 24 tháng	20.000.000	
		Cải tạo hiên chơi nhóm 6 - 18 tháng	9.000.000	
		Nâng bồn rửa tay các lớp, gắn tay vịn cho bồn nhà vệ sinh nhà trẻ	100.000.000	
		Lắp đặt vách nhôm cho phòng giặt	24.000.000	
		Mở cửa nhà bếp, bổ sung sàn, ốp gạch men phòng rửa	110.000.000	
		Xây nhà tạm chứa rác, nhà che máy phát điện	25.000.000	
		Gắn rào chắn các cầu thang, rào chắn nhà vệ sinh trẻ, rào chắn ra hiên sau của nhóm trẻ 6 - 18 tháng	16.000.000	
		Cải tạo tủ bếp	20.000.000	
		Bổ sung bảng tin bằng kính cường lực	12.000.000	
		Xây kho chứa dụng cụ, đồ dùng	58.000.000	
		Cải tạo sân chơi	35.000.000	
		Lắp đặt vách nhôm cho phòng pha sữa của nhóm trẻ 6 - 18 tháng	8.000.000	
		Bổ sung bảng tương tác	60.000.000	
		Bổ sung đồ chơi cho nhà trẻ	20.000.000	
		Bổ sung đồ chơi cho lớp 4-5 tuổi	60.000.000	
2	MN Hướng Dương 2	Dán gạch men hành lang toàn trường	250.000.000	
		Cải tạo hiên chơi các lớp nhà trẻ	15.000.000	
		Bổ sung chắn song ở hành lang trước và sau các lớp ở tầng 1	20.000.000	
		Xây sân rửa chén có dán gạch men	19.250.000	
		Lát sàn gỗ phòng âm nhạc, phòng thư viên, phòng nhà trẻ 25 - 36 tháng	96.180.000	
		Lát gạch sân chơi cát	10.000.000	
		Bổ sung đồ chơi vận động thể chất cho trẻ (bộ đồ chơi vận động liên hoàn, xe đạp)	70.000.000	
		Trang bị bộ đồ chơi vận động cho nhà trẻ	40.000.000	
		Làm mái che di động che nắng sân trường	150.000.000	
		Trang bị xe chuyên com	28.000.000	



3	MN Hoa Hồng 2	Cải tạo lại nhà bếp làm sàn rửa bên ngoài và mái che	40.000.000	
		Trang bị bổ sung bồn rửa chén	12.000.000	
		Sửa chữa, thay thế vòi rửa tay các nhà vệ sinh	30.870.000	
		Cải tạo nhà vệ sinh lớp 13 - 18 tháng tuổi	20.000.000	
		Lát sàn gỗ phòng âm nhạc, phòng thư viên, phòng nhà trẻ 25 - 36 tháng (170 m vuông)	68.000.000	
		Bổ sung kệ vi tính của 14 lớp	21.840.000	
		Bổ sung kệ góc chơi của 14 lớp	28.600.000	
		Bổ sung kệ thao tác vai của 2 lớp	3.200.000	
		Cải tạo, bổ sung hoa, cây kiểng của vườn trường	12.100.000	
4	THCS Tân Túc	Sửa chữa sụt lún sân trường, bồn hoa, tam cấp	200.000.000	
		Xử lý hệ thống thoát nước mái, chống thấm trần, sơn trần mái trường và nhà ăn	458.737.000	
		Bổ sung bàn ghế 3 phòng học (72 bộ bàn ghế 2 chỗ)	115.200.000	
	TỔNG CỘNG		2.285.977.000	





**DANH MỤC SƠN TRƯỜNG VÀ SỬA CHỮA NHỎ
TRONG NĂM 2017 CHUYỂN SANG**

Số TT	DANH MỤC	Nội dung	Số tiền
	Tổng cộng		3.253.036.000
1	Trường Tiểu học An Phú Tây	Sơn trong các phòng học	402.294.000
2	Trường Tiểu học Bình Hưng	Sơn trong các phòng học	1.154.438.000
3	Trường Mầm non Hoa Thiên Lý	Sơn trong các phòng học	203.145.000
4	Sửa chữa 10 phòng học tạm trường THCS Vĩnh Lộc A	Sửa chữa 10 phòng học tạm	1.493.159.000